

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN
(Đính kèm quyết định số /QĐ-STNMT ngày tháng 11/2023)

ĐVT: triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán trước khi điều chỉnh	Dự toán đề nghị điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh
			Tăng	Giảm	Tổng	
	Sở Tài nguyên Môi trường	31.312	7.243	-9.955	-2.712	28.600
I	Quản lý nhà nước (chương 426, Loại 340, Khoản 341)	1.262	128	-654	-526	736
1	Văn phòng Sở Tài nguyên Môi trường (Mã QHNS 1007224)	900	30	-439	-409	491
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	900	30	-439	-409	491
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	67		-9	-9	58
	- Kinh phí tập huấn và kiểm tra khoáng sản	135		-85	-85	50
	- Trang phục thanh tra và kinh phí tiếp công dân	130		-55	-55	75
	- Tổ chức các đoàn thanh kiểm tra	180		-100	-100	80
	- Tổ chức đối thoại doanh nghiệp	10		-10	-10	0
	- Các hoạt động công tác giá đất	90		-10	-10	80
	- Tập huấn, tuyên truyền phổ biến phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên nước tỉnh Khánh Hòa giao đoạn 2021-2030, định hướng đến 2050 (kiểm tra định kỳ, Ngày nước, ..); Tuyên truyền ngày nước, KTTG; Kinh phí kiểm tra định kỳ hoạt động tài nguyên nước	198		-140	-140	58
	- Đo đạc xác định diện tích đất phục vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai TTLT 39/2011/TTLT-BTNMT-BTC ngày 15/11/2011	90		-30	-30	60

ST T	Nội dung	Dự toán trước khi điều chỉnh	Dự toán đề nghị điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh
			Tăng	Giảm	Tổng	
	- Bổ sung kinh phí thay mặt Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tham gia tòa án		30		30	30
2	Chi cục Bảo vệ môi trường (Mã QHNS 1085919)	0	30	0	30	30
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	0	30	0	30	30
	- Bổ sung kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật		30		30	30
3	Chi cục Quản lý đất đai (Mã QHNS 1101499)	0	68	0	68	68
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	0	68	0	68	68
	- Bổ sung kinh phí thay mặt Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết tham gia tòa án		25		25	25
	- Bổ sung kinh phí phục vụ Hội nghị lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).		5		5	5
	- Bổ sung kinh phí xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật		38		38	38
4	Chi cục Biên, hải đảo (Mã QHNS 1112538)	362	0	-215	-215	147
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	362	0	-215	-215	147
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	19		-2	-2	17
	- Thực hiện công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường biển	137		-27	-27	110
	- Kinh phí phục vụ hoạt động giao khu vực biên (theo Nghị định 51/2014/NĐ-CP)	90		-70	-70	20
	- Thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển theo Nghị Định 40/2016/NĐ-CP	67		-67	-67	0

ST T	Nội dung	Dự toán trước khi điều chỉnh	Dự toán đề nghị điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh
			Tăng	Giảm	Tổng	
	- Thẩm định và giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển Nghị định 51/2014/NĐ-CP	49		-49	-49	0
II	Sự nghiệp kinh tế (Chương 426, Loại 280, Khoản 332)	19.513	5.912	-7.024	-1.112	18.401
1	Trung tâm phát triển quỹ đất (Mã QHNS 1031567)	1.407	0	-302	-302	1.105
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	1.407	0	-302	-302	1.105
	- Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán	50		-7	-7	43
	- Chi lương bảo vệ các khu đất	907		-20	-20	887
	- Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất	450		-275	-275	175
2	TT Công nghệ thông tin TNMT (Mã QHNS 1040172)	135	245	0	245	380
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	135	245	0	245	380
	- Vận hành và duy trì bản đồ trực tuyến	135	45		45	180
	- Thuê dịch vụ Kiểm tra, đánh giá hiện trạng và khả năng bảo đảm an toàn thông tin mạng cho hạ tầng công nghệ thông tin của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa.		200		200	200
3	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh (Mã QHNS 1079036)	15	0	-15	-15	0
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	15	0	-15	-15	0
	- Kinh phí thông kê đất đai cấp tỉnh	15		-15	-15	0
4	Văn phòng Sở Tài nguyên Môi trường (Mã QHNS 1007224)	14.536	5.667	-5.967	-300	14.236
	Lĩnh vực đất đai	12.406	1.700	-5.547	-3.847	8.559

ST T	Nội dung	Dự toán trước khi điều chỉnh	Dự toán đề nghị điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh
			Tăng	Giảm	Tổng	
	+ Đo đạc, lập BĐ ĐC, XD CSDL ĐC các công trình (Lâm Sơn, Trâm Hương, Bích Đàm)	700		-350	-350	350
	+ Lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, đo đạc chỉnh lý BĐ ĐC, lập hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD Đ và XD CSDL đối với các BQL rừng tỉnh KH	10.000		-5.000	-5.000	5.000
	+ Lập kế hoạch sử dụng đất	1.300	1.700	0	1.700	3.000
	+ Thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể	406		-197	-197	209
	Lĩnh vực khoáng sản	690	0	-420	-420	270
	+ Lập phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Khánh Hòa năm 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (để tích hợp vào Quy hoạch phát triển KT-XH tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	300		-30	-30	270
	+ Thăm định hồ sơ, cấp mới, điều chỉnh giấy phép hoạt động khoáng sản theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	390		-390	-390	0
	Lĩnh vực nước, khí tượng thủy văn	1.440	1.767	0	1.767	3.207
	+ Điều tra khảo sát ngập lụt, xây dựng mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên sông thuộc địa bàn tỉnh Khánh Hòa chưa được quy định tại Quyết định số 05/2020/QĐ-TTG ngày 31/01/2020 của TTC	720	1.014		1.014	1.734
	+ Khoanh định, công bố Danh mục bản đồ phân vùng hạn chế khai thác sci dưới đất và lập phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	720	753		753	1.473

ST T	Nội dung	Dự toán trước khi điều chỉnh	Dự toán đề nghị điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh
			Tăng	Giảm	Tổng	
	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc 14 Hoàng Hoa Thám, phường Lộc Thọ, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa		2.200		2.200	2.200
5	Chi cục Biển, hải đảo (Mã QHNS 1112538)	3.420	0	-740	-740	2.680
	Lĩnh vực biển đảo	3.420	0	-740	-740	2.680
	Rà soát tổng hợp, đo đạc bổ sung	2.700		-20	-20	2.680
	Xây dựng đề cương, dự toán nhiệm vụ xây dựng hành lang, cắm mốc	180		-180	-180	0
	Xây dựng đề cương, dự toán nhiệm vụ tổng hợp biên - đáy bờ 2020-2025	90		-90	-90	0
	Lập hồ sơ tài nguyên hải đảo tỉnh Khánh Hòa	450		-450	-450	0
III	Chi sự nghiệp môi trường (Chương 426, Loại 250, Khoản 278)	10.457	1.123	-2.197	-1.074	9.383
1	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường (Mã QHNS 1030205,	827	0	-242	-242	585
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	827		-242	-242	585
	Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường vùng quan trắc tỉnh Khánh Hòa năm 2022	27		-1	-1	26
	Vận hành trạm quan trắc tự động tại thôn Ninh Ích, xã Ninh An, thị xã Ninh Hoà	800		-241	-241	559
2	Văn phòng Sở Tài nguyên Môi trường (Mã QHNS 1007224)	7.200	1.093	-150	943	8.143
	Quan trắc môi trường (nước mặt, nước biển ven bờ, nước dưới đất, không khí xung quanh..)	7.000	1.093		1.093	8.093
	Thực hiện các đoàn thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp năm 2023	200		-150	-150	50

ST T	Nội dung	Dự toán trước khi điều chỉnh	Dự toán đề nghị điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh
			Tăng	Giảm	Tổng	
3	Chi cục Bảo vệ môi trường (Mã QHNS 1085919)	2.050	0	-1.625	-1.625	425
	Duy trì hoạt động hệ thống tiếp nhận số liệu quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh	50		-35	-35	15
	Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Khánh Hòa	300		-250	-250	50
	Điều tra , khảo sát, đánh giá hiện trạng di sản thiên nhiên; Công tác quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	100		-50	-50	50
	Xây dựng hồ sơ thiết lập Khu dự trữ sinh quyển Hòn Bà – Sông Cái)	100		-50	-50	50
	Thống kê, đánh giá các vùng đất ngập nước đặc thù tỉnh Khánh Hòa	100		-50	-50	50
	Báo cáo đa dạng sinh học tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016- 2020	300		-300	-300	0
	Kiểm soát các nguồn xả thải vào vịnh Nha Trang	300		-150	-150	150
	Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh	800		-740	-740	60
4	Chi cục Biển, hải đảo (Mã QHNS 1112538)	180	0	-180	-180	0
	Điều tra đánh giá hiện trạng và phân loại rác thải nhựa vùng ven biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (Quyết định 362/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành KH hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	180		-180	-180	0
5	TT Công nghệ thông tin TNMT (Mã QHNS 1040172)	200	30	0	30	230
	Bản tin sự nghiệp môi trường	200	30		30	230

ST T	Nội dung	Dự toán trước khi điều chỉnh	Dự toán đề nghị điều chỉnh			Dự toán sau điều chỉnh
			Tăng	Giảm	Tổng	
IV	Kinh phí phát triển nguồn nhân lực (Chương 426, Loại 085, Khoản 085)	80	80	-80	0	80
	Văn phòng Sở Tài nguyên Môi trường (Mã QHNS 1007224)	80	80	-80	0	80
	- Bồi dưỡng chính sách pháp luật về tài chính đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng	80		-80	-80	0
	- Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường		80		80	80